

Bản án số: **66/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 06/12/2021

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 466/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/11/2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp V, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Lê Châu T - Sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 7, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 11 năm 2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:**

Chị và anh Lê Châu T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là hôn nhân lần đầu của hai anh chị. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T không có trách nhiệm với gia đình, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chị và anh T không còn

sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 người con là Lê Huỳnh Nhã Đ, sinh ngày 18/4/2010 và Lê Huỳnh Nhã U, sinh ngày 12/6/2015. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, chị H không có yêu cầu gì khác và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Anh Lê Châu T vắng mặt trong tất cả các lần làm việc nên không có lời trình bày.**

*** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:**

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự từ khi thụ lý cho đến nay đều đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Giao hai cháu Lê Huỳnh Nhã Đ, sinh ngày 18/4/2010 và Lê Huỳnh Nhã U, sinh ngày 12/6/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày không có nên không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai vào năm 2009 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H cho rằng, cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, nguyên nhân là do anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Chị H và anh T không còn sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh nhiều lần lên làm việc, hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị H.

Như vậy, có thể xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Lê Huỳnh Nhã Đ, sinh ngày 18/4/2010 và Lê Huỳnh Nhã U, sinh ngày 12/6/2015 và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của chị H nhận thấy, hiện nay 02 cháu Đ và U đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T thường xuyên vắng nhà. Do đó, giao hai cháu Đ và U cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và cũng đúng với nguyện vọng của các cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T vắng mặt không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Châu T.

2. Về con chung: giao hai cháu Lê Huỳnh Nhã Đ, sinh ngày 18/4/2010 và Lê Huỳnh Nhã U, sinh ngày 12/6/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh Lê Châu T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh T có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị H, anh T được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị H nộp 300.000 đồng án phí án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai số 0002241 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị H, anh Lê Châu T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Hiệp (160/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn